

**ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ DO ĐƯƠNG SỰ KHÔNG NỘP
TIỀN TẠM ỨNG CHI PHÍ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN VÀ CHI TỐ TỤNG KHÁC THEO
QUY ĐỊNH BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015**

*NGUYỄN NHO HOÀNG**

*NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG***

*NGUYỄN TUẤN ANH****

Tóm tắt: Bài viết phân tích, bình luận những bất cập, vướng mắc về căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: đình chỉ giải quyết vụ án, chi phí định giá, chi phí tố tụng, đương sự.

Abstract: This paper analyzes and comments on inadequacies and problems about the grounds for suspension of judgement due to the fact that the litigant does not pay advance money property valuation costs and other litigation costs according to the provisions of the Civil Procedure Code 2015, thereby proposing solutions to improve the law on this issue.

Keywords: suspension of judgement, valuation costs, litigation costs, litigants.

1. Đặt vấn đề

Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự (VADS) là việc Tòa án quyết định ngừng hẳn việc giải quyết VADS. Các căn cứ để Tòa án đình chỉ giải quyết được quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS). Việc nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của BLTTDS năm 2015 là căn cứ để Tòa án đình chỉ giải quyết VADS mới được thiết lập tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015. Quy định này nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn xét xử tại các Tòa án do đương sự không nộp tiền tạm ứng chi

* Thâm phán Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, Email: nguyennhohoang@gmail.com

** TS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hangntt@hul.edu.vn

*** ThS., Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; Email: tuanh.ulaw@gmail.com

• Ghi chú: Tải bài viết toàn văn tại địa chỉ: <http://tapchi.hul.edu.vn>

phí định giá, giám định mặc dù chính đương sự có yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài hoặc trưng cầu giám định để có cơ sở cho việc giải quyết đúng đắn vụ án.¹ Tuy nhiên, xét dưới cả góc độ lý luận và thực tiễn thì căn cứ đình chỉ này chưa thực sự hợp lý, chưa bảo đảm quyền tiếp cận công lý của công dân. Bài viết phân tích, bình luận những bất cập, vướng mắc về quy định này và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật.

2. Pháp luật về đình chỉ giải quyết vụ án do đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Nộp tiền tạm ứng chi phí định giá và chi phí tố tụng khác là một trong những nghĩa vụ bắt buộc của đương sự được quy định tại khoản 2 Điều 70 BLTTDS năm 2015. Các chủ thể có nghĩa vụ phải nộp tạm ứng chi phí định giá và chi phí tố tụng khác bao gồm nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.² Việc nộp tiền các khoản tiền tạm ứng này nhằm giúp Tòa án dễ dàng trong việc giải quyết những vụ án tranh chấp mà Tòa án tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, giám định. Vì trong quá trình giải quyết vụ án việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản... là rất cần thiết, để xác định tính có căn cứ của chứng cứ, giá trị tài sản tranh chấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Quy định này đã được bổ sung tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015, nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn xét xử tại Tòa án do đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá và cả chi phí tố tụng khác, đồng thời nhằm hạn chế trường hợp các cá nhân, cơ quan, tổ chức lạm dụng quyền khởi kiện, quyền yêu cầu và để nâng cao tinh thần trách nhiệm của đương sự với yêu cầu của mình.

Theo quy định BLTTDS năm 2015 chi phí tố tụng khác bao gồm: chi phí ủy thác ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, thẩm định giá, chi phí cho người làm chứng, chi phí cho người phiên dịch.³ Mức phí để Tòa án ấn định cho đương sự nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng này là số tiền Tòa án tạm tính để tiến hành thực hiện các công việc tương ứng, còn đối với tiền tạm ứng chi phí đo đạc không được quy định trong BLTTDS năm 2015, nhưng thực tiễn xét xử cho thấy số

¹ Trần Anh Tuấn (Chủ biên) (2017), *Bình luận Khoa học BLTTDS năm 2015*, NXB Tư pháp, tr.531.

² Xem: điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015.

³ Xem Điều 151, Điều 155, Điều 159, Điều 163, Điều 167, Điều 168 BLTTDS năm 2015.

tiền tạm ứng trên cũng sẽ do Toà án tạm tính để tiến hành việc đo đạc. Do đây là số tiền Toà án tạm tính nên mức tạm ứng các chi phí tố tụng sẽ do Toà án quyết định, Toà án sẽ ấn định mức trên dựa vào tạm tính thực tế số tiền sẽ chi cho các việc như xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản, chi phí đi lại,... để thông báo cho đương sự nộp tạm ứng.

Hiện nay, thực tiễn xét xử cho thấy căn cứ đình chỉ này chủ yếu được áp dụng vào các vụ án cần phải xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản. Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 và Tòa án nhân dân (TAND) tối cao đều chưa có văn bản nào hướng dẫn chi tiết những khoản cần phải chi trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Thông thường những khoản cần phải chi trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản sẽ bao gồm những khoản sau:

Thứ nhất, chi phí đo vẽ nhà đất, được tính theo giá của cơ quan có chức năng đo vẽ nhà, đất, đây là chi phí có hợp đồng, biên lai thu tiền;

Thứ hai, chi phí cho phương tiện đi lại, nếu địa điểm ở xa thì chi phí được tính theo giá vận chuyển, sẽ có hoá đơn, chứng từ, nếu địa điểm gần thì cán bộ Toà án và thành viên sẽ tự túc phương tiện;

Thứ ba, chi phí cho đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường tham gia phối hợp cùng Toà án để tiến hành xác định vị trí đất, ranh đất;

Thứ tư, chi phí cho Hội đồng định giá, Công ty định giá.

Ngoài những khoản chi tác giả liệt kê như trên thì một số Toà án sẽ còn những khoản chi khác và những khoản chi đó đa phần sẽ có hoá đơn, chứng từ để sau này có thể quyết toán lại với đương sự. Do chưa có quy định cụ thể mức tạm ứng chi phí tố tụng là bao nhiêu, nên Toà án sẽ tạm tính số tiền để tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, dựa vào số tiền Toà án sẽ thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện việc thu thập chứng cứ, chẳng hạn như thanh lý hợp đồng đo đạc, thanh toán tiền cho hội đồng định giá. BLTTDS năm 2015 cho phép Toà án tạm tính số tiền tạm ứng để yêu cầu đương sự nộp là phù hợp, do Toà án là cơ quan giải quyết vụ án tranh chấp giữa các đương sự nên Toà án trực tiếp liên hệ và có thẩm quyền để liên hệ với các cơ quan, tổ chức có liên quan để tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ.⁴ Do đó, chủ thể ký hợp đồng và thanh toán các chi phí phát sinh với các cơ quan chuyên môn là Toà án. Sau khi Toà án tạm tính chi phí tố tụng thì Toà án sẽ thông báo cho đương sự mức tạm ứng chi phí tố tụng cụ thể và ấn định cho đương sự phải nộp số tiền mà

⁴ Nguyễn Minh Hiếu (2017), *Tạm ứng chi phí tố tụng theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, tr. 23-25.

Toà án đã tạm tính trong một khoảng thời gian nhất định. Nếu quá thời gian trên mà đương sự không nộp thì phải chịu hậu quả, lúc này căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án xuất hiện, Tòa án ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.⁵ Trường hợp bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác Tòa án đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, mức tạm ứng chi phí tố tụng và hậu quả do không nộp tạm ứng chi phí tố tụng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tuy nhiên, căn cứ này chưa đề cập tới cách xử lý trong trường hợp vụ án có nhiều yêu cầu khởi kiện như yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trường hợp nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí tố tụng nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp tạm ứng chi phí tố tụng đó. Về lý luận, việc xem xét, thẩm định tại chỗ hay định giá tài sản chỉ là một trong các biện pháp thu thập chứng cứ, ngoài ra còn các nguồn chứng cứ khác⁶ mà Tòa án có thể dựa vào đó để xem xét, giải quyết vụ án không thiết phải đình chỉ giải quyết VADS. Mặt khác, theo tác giả Trần Anh Tuấn thì việc áp dụng quy định căn cứ đình chỉ giải quyết VADS tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 dường như chưa bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự, nhất là những đương sự không có điều kiện kinh tế để nộp những khoản tiền tạm ứng này.⁷ Như vậy, pháp luật tố tụng dân sự chưa bảo đảm được quyền tiếp cận công lý của công dân.

3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về việc đình chỉ giải quyết vụ án do đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 nếu đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của BLTTDS năm 2015 thì Tòa án sẽ đình chỉ giải quyết vụ án. Thực tế, có khá nhiều trường hợp Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án do quá thời gian Tòa án ấn định trong thông báo tạm ứng chi phí tố tụng mà đương sự chưa nộp tiền tạm ứng. Tuy nhiên, cũng có nhiều vụ án mà Tòa án không thể đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015, cụ thể như sau:

Ví dụ: Theo Quyết định giải quyết việc kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ

⁵ điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015

⁶ Theo Điều 94 BLTTDS năm 2015.

⁷ Trần Anh Tuấn (Chủ biên) (2017), *Tlđđ*, tr. 532.

án số 34/2020/QĐ-PT ngày 21/4/2020 của TAND tỉnh Đồng Nai đã nhận định: “Ngày 15/12/2017 TAND thành phố Biên Hòa thụ lý vụ án theo quy định. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo cho đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Công Tr nộp chi phí tố tụng, ngày 05/11/2018 ông Đinh Công Tr đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền là 8.000.000đ. Ngày 08/7/2019 Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thông báo phí thẩm định giá là 23.928.000đ. Do số tiền ông Đinh Công Tr nộp không đủ thực hiện hợp đồng thẩm định giá, Tòa án đã triệu tập ông Đinh Công Tr làm việc, nhưng ông Tr trình bày xin gia hạn thời gian. TAND thành phố Biên Hòa cho rằng nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định giá tài sản để đình chỉ giải quyết vụ án theo khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 là không có cơ sở. Bởi vì, theo điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án chỉ đình chỉ giải quyết vụ án, khi đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí đo vẽ, định giá tài sản; trường hợp này nguyên đơn đã nộp 8.000.000đ tiền tạm ứng chi phí đo vẽ, định giá tài sản; nên nếu chi phí đo vẽ, định giá tài sản cao hơn mà đương sự không đồng ý nộp thêm, thì Tòa án áp dụng Điều 166 BLTTDS năm 2015 và mục 2 phần II của Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của TAND tối cao để giải quyết. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết việc vụ án do đương sự không nộp chi phí tố tụng là không đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn. Vì vậy, nhận thấy nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy quyết định đình chỉ giải quyết VADS số 244/2014/QĐST-DS ngày 09/8/2019 của TAND thành phố Biên Hòa là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn”.

Theo hướng dẫn của TAND tối cao tại mục 2 phần II của Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 (Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC): “Trường hợp nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá tài sản nhưng khi có kết luận giám định, kết quả định giá tài sản thì chi phí giám định, chi phí định giá tài sản cao hơn số tiền tạm ứng và Tòa án có yêu cầu nguyên đơn nộp bổ sung nhưng nguyên đơn không thực hiện thì không phải là căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015. Việc xử lý tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 162 và Điều 166 BLTTDS năm 2015, cụ thể là: Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định không phải chịu chi phí giám định, người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản không phải nộp chi phí định giá tài sản thì người phải chịu chi phí giám định, chi phí định giá tài sản theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá tài sản.

Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định phải chịu chi phí giám định, người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản phải chịu chi phí định giá tài sản nếu số tiền tạm ứng đã nộp chưa đủ cho chi phí giám định, chi phí định giá tài sản thực tế thì họ phải nộp thêm phần tiền còn thiếu; nếu số tiền tạm ứng đã nộp nhiều hơn chi phí giám định, chi phí định giá tài sản thực tế thì họ được trả lại phần tiền còn thừa theo quyết định của Tòa án. Tòa án căn cứ vào Điều 161 và Điều 165 BLTTDS năm 2015 để xác định người phải chịu chi phí giám định, chi phí định giá tài sản.

Trường hợp này hiện nay phát sinh trong thực tiễn giải quyết vụ án rất nhiều, mặc dù TAND tối cao đã ban hành hướng dẫn giải đáp nhưng vẫn còn nhiều bất cập, lúng túng trong việc áp dụng quy định này, cụ thể như ví dụ trên đã tồn tại hai quan điểm:

Thứ nhất, theo quan điểm của TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Tòa án cấp sơ thẩm) thì khi đương sự không nộp thêm tiền chi phí tố tụng Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS.

Thứ hai, theo quan điểm của TAND tỉnh Đồng Nai và TAND tối cao thì việc đương sự nộp không thêm tiền chi phí tố tụng không phải là căn cứ để đình chỉ giải quyết VADS.

Theo quan điểm của chúng tôi thì vấn đề này mặc dù đã được TAND tối cao hướng dẫn tại Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05 tháng 01 năm 2018, nhưng tại văn bản hướng dẫn này vẫn chưa giải quyết triệt để các bất cập, vướng mắc; cụ thể trong văn bản hướng dẫn TAND tối cao khẳng định việc đương sự không nộp bổ sung chi phí tố tụng “không phải là căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án”, đồng thời đề cập đến cách thức giải quyết trong trường hợp đương sự không đồng ý nộp bổ sung đó là Tòa án căn cứ vào Điều 161 và Điều 165 BLTTDS năm 2015 để xác định người phải chịu chi phí giám định, chi phí định giá tài sản. Tuy nhiên, việc áp dụng Điều 161, Điều 165 BLTTDS năm 2015 để xác định nghĩa vụ chịu chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, thẩm định giá tài sản chỉ thực hiện được khi có căn cứ của kết quả giám định, định giá để chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ hoặc có căn cứ.⁸ Để xác định được tính căn cứ trước tiên thì phải có kết quả, nhưng nếu đương sự không nộp bổ sung vậy số tiền thiếu này sẽ do ai chịu trách nhiệm tạm ứng, Tòa án hay cơ quan giám định, định giá chịu trước? Hay Tòa án được phép lấy trước kết quả này về để xem xét và xác định yêu cầu của họ được hay không được Tòa án chấp nhận và tuyên án nghĩa vụ trong Bản án để họ nộp cho cơ quan giám định, định giá?

⁸ Điều 161, Điều 165 BLTTDS năm 2015.

Thực tế, nếu không nộp đủ số tiền cần thiết thì cơ quan giám định, định giá sẽ không trả kết quả và khi không có kết quả thì Tòa án sẽ không tiến hành tố tụng, đánh giá khách quan các chứng cứ, lời khai để quyết định nội dung, chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của đương sự. Vì vậy, chúng tôi cho rằng hướng dẫn này là không hợp lý và không có tính khả thi.

Mặt khác, việc nghiên cứu thực tiễn xét xử cho thấy việc ban hành thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng của các Tòa án còn chưa thống nhất về thời hạn nộp tạm ứng chi phí giám định và các chi phí tố tụng khác và hậu quả pháp lý của việc không nộp các chi phí đó. Tình trạng này được thể hiện thông qua một số ví dụ sau đây:

Ví dụ thứ nhất: Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 46/2018/QĐ-PT ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã nhận định: “Ngày 05/9/2017, TAND huyện Vĩnh Cửu ban hành thông báo số 02/TB-TA về việc yêu cầu bà Tạ Thị L phải nộp số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng để xem xét, thẩm định tại chỗ. Trong thông báo này, TAND huyện Vĩnh Cửu ấn định thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận thông báo bà L phải nộp số tiền trên. Cùng ngày 05/9/2017, Tòa án cấp sơ thẩm gửi giấy triệu tập bà L phải có mặt tại trụ sở Tòa án vào lúc 08 giờ ngày 13/9/2017 để nộp tiền theo thông báo trên. Ngày 09/9/2017, bà Tạ Thị L nhận được thông báo và giấy triệu tập nói trên. Ngày 13/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu lập biên bản về việc vắng mặt bà Tạ Thị L, trên cơ sở đó ban hành quyết định số 49/2017/QĐSTDS “Đình chỉ giải quyết QVADS” với lý do bà Tạ Thị L không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Như vậy, bà Tạ Thị L nhận được thông báo trên được 04 ngày, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết VADS là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Mặt khác, Điều 156 BLTTDS 2015 không quy định thời hạn nộp tiền tạm ứng xem xét, thẩm định tại chỗ; không có quy định khác về thời hạn nộp tiền, do vậy trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải ấn định thời hạn nộp tiền là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo mới đảm bảo quyền lợi của đương sự theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao (hướng dẫn tại biểu mẫu số 04-DS). Do vậy cần hủy quyết định đình chỉ số 49/2017/QĐST-DS ngày 13/9/2017 và giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết”.

Ví dụ thứ hai: Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 105/2021/QĐ-PT ngày 23/3/2021 của TAND tỉnh Đồng Nai đã nhận định: “Ngày 15/3/2021, TAND huyện Xuân Lộc ban hành Thông báo số 42/2021/TB-TA

yêu cầu nguyên đơn bà V nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Cùng ngày 15/3/2021, bà V được tổng đạt thông báo trên. Ngày 29/3/2021, TAND huyện Xuân Lộc có buổi làm việc với bà V, bà V trình bày do hoàn cảnh khó khăn, già yếu, bệnh tật dù đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng không có khả năng nộp. Ngoài ra, bà V còn có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vụ án, sau khi xét xử xong bán đất thì mới có tiền nộp và không đồng ý viết đơn khởi kiện để khởi kiện sau. Ngày 15/4/2021, TAND huyện Xuân Lộc ra Thông báo số 52/2021/TB-TA yêu cầu nguyên đơn bà V nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lần 2 với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Ngày 19/4/2021, bà V nhận được thông báo lần 2. Ngày 29 tháng 4 năm 2021 TAND huyện Xuân Lộc đã căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 217 ban hành Quyết định ĐCGQVADS sơ thẩm số: 31/2021/QĐST-DS với lý do nguyên đơn bà Lê Thị V không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Việc cấp sơ thẩm đã tiến hành tố tụng là đúng quy định của BLTTDS năm 2015, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà V. Hơn nữa, cấp sơ thẩm còn có buổi làm việc, để giải thích các quy định pháp luật cho bà V biết nhưng bà V vẫn không nộp tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định. Bà Viễn kháng cáo đề nghị hủy Quyết định của cấp sơ thẩm với lý do nội dung của Quyết định không phù hợp thực tế khách quan, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà V là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị V”.

Ví dụ thứ ba: Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 202/2021/QĐ-PT ngày 20/4/2021 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định: “Ngày 04/3/2020 TAND tỉnh An Giang thông báo cho nguyên do: ông Lê Xuân Đ, bà Huỳnh Thị Mỹ L có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí tụng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trong thời hạn 05 ngày làm việc để đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với phần đất tranh chấp. Không có biên bản tổng đạt thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Ngày 04/3/2020 TAND tỉnh An Giang có giấy giới thiệu ông Lê Xuân Đ, bà Huỳnh Thị Mỹ L là nguyên đơn đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc để liên hệ ký hợp đồng đo đạc xác định diện tích thực tế các khu đất gồm: 64m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phạm Công T 99m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ, bà Lê 56m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D. Ngày 04/5/2020 ông Lê Xuân Đ có văn bản

gửi Tòa án tỉnh An Giang yêu cầu được cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thành, bà Lệ theo yêu cầu của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc ký hợp đồng đo đạc phần đất tranh chấp. Ngày 19/5/2020 TAND tỉnh An Giang lập biên bản không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn Phạm Ngọc Quỳnh D. Cùng ngày 19/5/2020 TAND tỉnh An Giang thông báo cho ông Lê Xuân Đ, bà Huỳnh Thị Mỹ L có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí bổ sung 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trong thời hạn 05 ngày làm việc để đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với phần đất tranh chấp. Ông Đ có ký tên nhận thông báo cùng ngày 19/5/2020. Ngày 21/5/2020 ông Lê Xuân Đ và Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc ký hợp đồng đo đạc phần đất tranh chấp gồm các diện tích 64m²; 99m²; và 56m² đất theo giấy giới thiệu ngày 04/3/2020 TAND tỉnh An Giang. Ngày 05/6/2020 Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 BLTTDS năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và *hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án là đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí cho đương sự.....* Đối chiếu với quy định trên, xét thấy trong vụ án này ngoài việc thông báo cho ông Đ nộp chi phí tố tụng đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với phần đất tranh chấp thì Tòa án cấp sơ thẩm còn giới thiệu cho ông Đ đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc ký hợp đồng đo đạc phần đất tranh chấp gồm các diện tích 64m²; 99m² và 56m² đất. Trên thực tế ông Đ cũng đã thực hiện việc ký hợp đồng với Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc đo đạc các khu đất tranh chấp theo yêu cầu của Tòa án. Riêng thông báo nộp chi phí tố tụng thì nguyên đơn ông Đ kháng cáo cho rằng sau khi nhận được thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng do sau đó ông có nhờ người cháu đến Tòa án để nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, nhưng khi đến Tòa án nộp tiền do không gặp được Thẩm phán giải quyết nên người cháu đem tiền về. Vì vậy việc ông không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng trong thời hạn vì lý do khách quan...Do đó, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Xuân Đ, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.

Ví dụ thứ tư: Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 316/2021/QĐ-PT ngày 27/5/2021 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định: “Mặt khác, đối tượng giải quyết vụ án này là tranh chấp chia tài sản chung đã kéo dài từ năm 2016. Lẽ ra, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm phải giải thích cho bà L biết hậu quả pháp lý của việc không

nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định giá tài sản sẽ bị đình chỉ giải quyết vụ án và *không có quyền khởi kiện lại* yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 và khoản 1, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện là thiếu sót.”

Việc nghiên cứu các vụ án trên cho thấy, thời hạn đề đương sự nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác mỗi tòa đang áp dụng một thời hạn khác nhau, TAND tỉnh huyện Xuân Lộc và huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai thì 05 ngày (ví dụ thứ 2 và thứ 1), TAND tỉnh An Giang thì 05 ngày (ví dụ thứ 3), TAND tỉnh Đồng Nai thì 15 ngày (ví dụ thứ 1). Lý do dẫn tới việc áp dụng không thống nhất này là do BLTTDS năm 2015 và văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định về thời hạn nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác.

Bên cạnh đó, hậu quả của việc không nộp tiền chi phí tố tụng cũng khác nhau, cụ thể theo quan điểm của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh việc đương sự không nộp tạm ứng tiền chi phí định giá và chi phí tố tụng khác thì *không có quyền khởi kiện lại vụ án (ví dụ thứ 4)*, nhưng TAND tỉnh An Giang thì cho rằng đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án (ví dụ thứ 3). Vấn đề này đã được BLTTDS năm 2015 quy định khá rõ ràng tại khoản 1 Điều 218, theo đó, khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do đương sự không nộp tạm ứng tiền chi phí định giá và chi phí tố tụng khác thì tùy từng trường hợp để xử lý, nếu là bị đơn có yêu cầu phản tố hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì Tòa án sẽ đình chỉ phần yêu cầu đó, nếu là nguyên đơn thì tòa án sẽ đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, như đã phân tích ở mục 2, Tòa án cần có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất để bảo đảm quyền tiếp cận công lý của công dân, vì có nhiều trường hợp đương sự không có đủ tài chính để đóng các chi phí nói trên và khi bị đình chỉ thì họ mất quyền khởi kiện lại vụ án.

Mặt khác, để tiến hành thẩm định, định giá tài sản, Tòa án sẽ thực hiện bằng một trong hai cách đó là thành lập hội đồng định giá hoặc yêu cầu tổ chức có chức năng thẩm định, định giá tài sản tiến hành định giá. Đối với trường hợp thành lập hội đồng định giá thì thẩm phán sẽ tiến hành thực hiện các thủ tục có liên quan đồng thời thông báo cho đương sự tham gia nên sẽ không tồn tại các bất cập, vướng mắc, nhưng đối cách thức yêu cầu các tổ chức (bên thứ ba) tiến hành định giá, thẩm định giá tài sản thì tồn tại vướng mắc là chủ thể nào sẽ ký hợp đồng định giá với tổ chức định giá.

Thực tiễn xét xử các vụ án trên cũng cho thấy giữa các Tòa án cũng không có thống nhất về chủ thể ký kết hợp đồng thẩm định, định giá tài sản, cụ thể trong ví dụ thứ 3 thì chủ thể ký kết hợp đồng thẩm định, định giá tài sản là đương sự, còn Tòa án chỉ việc ra thông báo cho đương sự trong thời hạn 15 ngày để đương sự thực hiện việc ký kết hợp đồng, đóng tiền tạm ứng chi phí... sau đó nộp lại bản sao hợp đồng, biên lai cho Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án, nhưng trong ví dụ thứ nhất và thứ hai thì Thẩm phán là người trực tiếp ký kết hợp đồng thẩm định, định giá tài sản.

Việc nghiên cứu Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTCBTP-BTC ngày 28/3/2014 về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản thì chủ thể thực hiện các hợp đồng thẩm định, định giá này là đương sự và đương sự sẽ trực tiếp đóng nộp lệ phí cho đơn vị thẩm định giá theo quy định.⁹ Tuy nhiên, trường hợp này chỉ áp dụng cho trường hợp các bên đương sự cùng yêu cầu Tòa án yêu cầu tổ chức thẩm định giá định giá tài sản. Nhưng đối với trường hợp Tòa án ra quyết định định giá tài sản mà không phụ thuộc vào yêu cầu của đương sự (trường hợp khi có căn cứ xác định các bên thoả thuận với nhau hoặc với tổ chức thẩm định giá theo mức giá thấp nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước).¹⁰ Vấn đề này cũng cần có sự hướng dẫn của TAND tối cao để bảo đảm áp dụng thống nhất giữa các Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Hậu quả pháp lý mà đương sự phải gánh chịu khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do đương sự không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác là không được khởi kiện lại VADS. Vì vậy, để bảo đảm áp dụng thống nhất căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án trong trường hợp này chúng tôi kiến nghị như sau:

Thứ nhất, TAND tối cao cần phải có văn bản hướng quy định rõ thời hạn đương sự phải nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác, cụ thể theo chúng tôi nên quy định thời hạn này 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ của Tòa án, đồng thời Tòa án phải giải thích để đương sự biết được hậu quả pháp lý của việc mà họ không nộp khoản tiền tạm ứng này.

Thứ hai, như đã phân tích ở trên, đối với trường hợp đương sự không có điều kiện để nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác do điều kiện kinh tế khó khăn (ví dụ 2), nếu Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đồng nghĩa với việc họ

⁹ Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTCBTP-BTC ngày 28/3/2014 về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản, Điều 5 và Điều 6.

¹⁰ Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTCBTP-BTC, Điều 7.

sẽ mất quyền khởi kiện lại vụ án, dẫn đến quyền được tiếp cận công lý của công dân không được bảo đảm. Vì vậy, chúng tôi thiết nghĩ TAND tối cao nên có văn bản hướng dẫn theo hướng xem đây là trường hợp ngoại lệ của điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015, có nghĩa là dù bị đình chỉ giải quyết VADS, nhưng đương sự vẫn được khởi kiện lại vụ án.

Thứ ba, trong công văn Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC về cách thức xử lý đối với trường hợp đương sự không nộp bổ sung tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác là không có tính khả thi và không thể thực hiện được. Mặt khác, công văn chỉ có giá trị nội bộ trong hệ thống Tòa án, do vậy, để áp dụng thống nhất TAND tối cao cũng cần có văn bản chính thức hướng dẫn về vấn đề này. Chúng tôi đề xuất phương án là trường hợp đương sự không nộp bổ sung tiền tạm ứng thì xử lý như đương sự không nộp tiền tạm ứng là đình chỉ giải quyết VADS. Vì nếu như đương sự không có điều kiện kinh tế thì mình đã xếp vào trường hợp loại trừ (kiến nghị thứ 2), còn đương sự không chịu nộp có nghĩa đương sự không phối hợp với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là hợp lý.

Thứ tư, trong tiểu mục 2 của bài viết chúng tôi đã bàn về bất cập của điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 là pháp luật chưa tính tới yếu tố trong vụ án có nhiều yêu cầu tố tụng, trong đó nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác, nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn nộp tiền tạm ứng của mình. Đối với trường hợp này thì Tòa án không thể đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên Tòa án phải áp dụng Điều 245 BLTTDS năm 2015 để thay đổi địa vị tố tụng và tiếp tục giải quyết vụ án, tuy nhiên Điều 217 BLTTDS năm 2015 không đề cập đến trường hợp này là thiếu sót. Do vậy, chúng tôi thiết nghĩ có thể bổ sung nội dung này vào khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015 để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án. Theo đó khoản 2 Điều 217 sẽ được bổ sung như sau: “2. Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không đề nghị xét xử vắng mặt *hoặc trường hợp nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí định giá, chi phí tố tụng khác* và trong vụ án đó có bị đơn yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì giải quyết như sau:

a) Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ yêu cầu độc lập thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án;

b) Bị đơn không rút hoặc chỉ rút một phần yêu cầu phản tố thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn trở thành nguyên đơn, nguyên đơn trở thành bị đơn;

c) Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút hoặc chỉ rút một phần yêu cầu độc lập thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trở thành nguyên đơn, người nào bị khởi kiện theo yêu cầu độc lập trở thành bị đơn”.

Thứ năm, đối với trường hợp thực hiện định giá, thẩm định giá hoặc các chi phí tố khác thì TAND tối cao nên thống nhất hướng dẫn: Chủ thể ký hợp đồng dịch vụ với cơ quan chuyên môn thứ ba là đương sự. Như vậy, Tòa án sẽ tránh được những rắc rối không cần thiết trong việc ký kết, thực hiện hợp đồng dịch vụ với cơ quan chuyên môn thứ ba. Chẳng hạn như Tòa án đã ký hợp đồng nhưng khi có kết quả thì phát sinh thêm chi phí mà đương sự không nộp thêm hay cơ quan thứ ba không thực hiện đúng yêu cầu của Tòa án dẫn đến có thể phát sinh tranh chấp hợp đồng dân sự thì Tòa án có thể trở thành đương sự của một vụ án khác, khi đó việc xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng trở nên khó khăn dẫn đến việc giải quyết vụ án dân sự trước đó bị kéo dài là không cần thiết.

5. Kết luận

Việc Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do đương sự không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác đồng nghĩa với việc chấm dứt quyền khởi kiện của đương sự. Việc nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật cho thấy, một số trường hợp Tòa án đình chỉ chưa hợp lý. Để hạn chế tình trạng này bài viết đã đề xuất một số kiến nghị nêu trên, nhằm góp phần bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Hội, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.
2. Nguyễn Minh Hiếu (2017), *Tạm ứng chi phí tố tụng theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường đại học luật thành phố Hồ Chí Minh.
3. Trần Anh Tuấn (Chủ biên) (2017), *Bình luận Khoa học BLTTDS năm 2015*, NXB Tư pháp.